TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:222/2024/HS-PT
Ngày: 18/7/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thương Huyền.
2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 182/2024/TLPT-HS ngày 10/6/2024 đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí Ndo có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1/ Họ và tên: Đoàn Văn T; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1987 tại tỉnh A; Hộ khẩu thường trú: Ấp Long T, xã Long Đ, huyện C, tỉnh A; Chỗ ở: Số 151, đường Lương Thế V, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Đoàn Ngọc X, sinh năm 1946 và bà Võ Thị X1 (đã chết); chưa vợ, con; Bị bắt, tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến ngày 22/11/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số 349, đường Cô G, Phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số 142, đường Cô G, Phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Quản lý nhà hàng; trình độ học vấn: 06/12; con ông Nguyễn Văn Ng (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1955; có 02 người con,

con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến ngày 14/9/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3/ Họ và tên: **Nguyễn Chí N**, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1988 tại tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú: Số 18, đường Trần Hưng Đ, phường L, thành phố NT, tỉnh K; Chỗ ở: Số 18, đường Trần Hưng Đ, phường L, thành phố NT, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Chí L và bà Lê Thị Ph; chưa vợ. con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/5/2023 đến ngày 16/11/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa: Luật sư Lưu Tấn Anh Toàn - Công ty Luật TNHH Lưu Vũ – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí N(có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2022, Nguyễn Thanh T1 ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với bà Trần Thị Mỹ D với nội dung bà D giao toàn bộ nhà hàng, karaoke Hotel E, số 165, đường Nguyễn Thái B, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho T1 quản lý, điều hành; thời hạn hợp tác kinh doanh là 145 tháng, kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/01/2035. Để quản lý nhà hàng, T1 tổ chức hoạt động như sau: Nguyễn Chí N là cổ đông, không góp vốn và giúp T1 quản lý điều hành, chịu trách nhiệm chung; ông Lê Ngô Bảo V là người tổ chức sự kiện, quảng cáo cho nhà hàng; Đỗ Phương U giữ vai trò là tổng quản lý; Nguyễn Thị Thu H là quản lý, tuyển dụng tiếp viên nữ, mức lương là 30.000.000 đồng/tháng; Phương Thanh T2 là quản lý nữ tiếp viên, mức lương là 8.000.000 đồng/tháng; Trương Minh C là thu ngân - lễ tân, mức lương là 4.000.000 đồng/tháng; Đoàn Văn T là nhân viên phục vụ, mức lương là 4.000.000 đồng/tháng cùng một số nhân viên khác.

Do kinh doanh thua lỗ nên vào khoảng Tết Nguyên đán năm 2023, T1 tổ chức cuộc họp bao gồm: T1, N, U, H, T2 và thống nhất cho tiếp viên nữ thỏa thuận bán dâm với khách hàng nhưng thuê phòng của nhà hàng với giá 350.000 đồng/02 giờ, H sẽ hưởng số tiền 50.000 đồng; nếu thuê phòng qua đêm là 850.000 đồng, H sẽ hưởng số tiền 100.000 đồng; nếu khách có nhu cầu mua dâm thì H sẽ quyết định hoặc T2 sẽ báo lại H (trong trường hợp khách nói với T2) sau đó T2 hoặc H sẽ nói T sắp xếp phòng, T gọi báo C mở sẵn cửa các phòng khách sạn; sau khi mở cửa phòng, C sẽ báo lại T để dẫn khách và tiếp viên nữ lên phòng thực hiện hành vi mua bán dâm; tiền doanh thu hàng ngày sẽ do U, C báo cáo qua nhóm mạng xã hội Zalo tên Thu ngân – kế toán gồm T1, N, U, Ch. Vào chiều tối ngày 27/4/2023 do nhà hàng vắng khách, H rủ Nguyễn Đình C1

đến nhà hàng ăn uống. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/4/2023, C1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn S, Trần Minh H2, Nguyễn Đăng N2 đến nhà hàng và được H đưa lên phòng 501 rồi gọi T2 điều tiếp viên nữ vào phòng tiếp khách. Ngoài ra, còn có Nguyễn Ngọc T4 do C1 dẫn từ bên ngoài vào và ngồi cùng nhóm của C1. T2 sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo tên Tuyền Ph nhắn tin vào nhóm mạng xã hội Zalo tên Con gái Dubai để điều 04 nhân viên là Võ Nguyễn Kim N3, Nguyễn Thị Cẩm T6, Nguyễn Thị Huyền Tr, Phạm Anh T4 vào phục vụ nhóm của C1. Sau đó, C1 và T4 thuê một phòng 203 (khoảng 20 phút) rồi trả phòng, đi lên phòng 501 tiếp tục hát karaoke. Đến 21 giờ cùng ngày, nhóm của C1 hỏi T2 để mua dâm các tiếp viên nữ Nguyễn Thị Huyền Tr, Võ Thị Kim N3, Phạm Anh T4 nên T2 báo H, H đồng ý nên T2 nói Toàn sắp xếp 03 phòng cho khách mua dâm, chuẩn bị bao cao su; T báo C mở cửa 03 phòng khách sạn. C lên lầu 2 mở cửa các phòng 202, 203, 205 rồi khép hờ cửa rồi báo T dẫn khách và tiếp viên nữ xuống phòng. T lần lượt dẫn Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thị Huyền Tr xuống phòng 202, Lê Văn S và Võ Thị Kim N3 xuống phòng 203, Trần Minh H2 và Phạm Anh T4 xuống phòng 205 thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến khoảng 22 giờ 45 phút ngày 27/4/2023, Phòng PC02 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra nhà hàng, karaoke Hotel E thì phát hiện phòng 202 có Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thị Huyền Tr, phòng 203 có Lê Văn S và Võ Thị Kim N3, phòng 205 có Trần Minh H2 và Phạm Anh T4 đang thực hiện hành vi mua bán dâm nên đã đưa T3, Tr, S, N3, H2, T4 về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra làm rõ sau đó chuyển qua Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu H, Phương Thanh T2, Đoàn Văn T, Trương Minh C, Đỗ Phương U, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Chí N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc; các biên bản đối chất; biên bản nhận dạng; lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các biên bản kiểm tra điện thoại di động, xác nhận của các bị cáo đối với các tin nhắn trên điện thoại cùng các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập.

Vật chứng vụ án:

Thu giữ của Nguyễn Thanh T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số Imei: 350566104721580; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, số Imei: 353346542506084.

Thu giữ của Nguyễn Chí N: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số Imei lần lượt là: 353266545730608, 353266545610024; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số Imei: 354864092857318; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vertu, số Imei: 355715157596728.

Thu giữ của Nguyễn Thị Thu H: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357763867787600; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone (bị khóa mật khẩu nên không kiểm tra được số Imei).

Thu giữ của Phương Thanh T2: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354106774174103.

Thu giữ của ông Lê Ngô Bảo V: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số Imei lần lượt là: 355656664149424, 355656664283462.

Thu giữ của Nguyễn Thị Huyền Tr: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353893107348493; 01 (một) bao cao su hiệu Durex đã qua sử dụng.

Thu giữ của Phạm Anh T4: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 868204045718532; 01 (một) bao cao su hiệu Durex đã qua sử dụng; 4.000.000 (bốn triệu) đồng là tiền bán dâm cho khách.

Thu giữ của Võ Thị Kim N3: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357884549181218; 01 (một) bao cao su hiệu Durex đã qua sử dụng.

Thu giữ của Trương Minh C: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353041094020838; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353763697569206.

Thu giữ của Đỗ Phương U: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 354954051625416; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 354626220315695; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung (sạc không lên nên không kiểm tra được số Imei).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 05 (năm) năm tù giam về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (trừ i thờ i gian tạ m giam bị ố từ ngy 29/4/2023 ế n ngy 22/11/2023).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù giam về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (trừ i thờ i gian tạ m giam bị ố từ ngy 29/4/2023 ế n ngy 14/9/2023).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù giam về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (trừ đi thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 19/5/2023 đến ngày 16/11/2023).

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Đỗ Phương U, Phương Thanh T2, Trương Minh

C, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2024 bị cáo Đoàn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/4/2024 bị cáo Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/4/2024 bị cáo Nguyễn Chí N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí N đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí N phạm tội "Chứa mại dâm" theo điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Nhận thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 355, Điều 356 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Lưu Tấn Anh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí N trình bày: Bị cáo N có giấy khen trong việc phòng chống ma túy, đề nghị áp dụng điểm u hoặc v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo T cũng có giấy khen của Công ty sản xuất. Bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối đáp lại bài bào chữa của vị Luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Mức hình phạt tù mà Tòa án nhân dân Quận A áp dụng đối với bị cáo Nghĩa là phù hợp, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã nêu ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận A, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 27/4/2023 tại nhà hàng, karaoke Hotel E, số 165, đường Nguyễn Thái B, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thanh T1, Đỗ Phương U, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí N, Phương Thanh T2, Trương Minh C, Đoàn Văn T có hành vi tổ chức cho các tiếp viên nữ của nhà hàng là Nguyễn Thị Huyền Tr, Võ Thị Kim N3, Phạm Anh T4 bán dâm cho Nguyễn Văn T3, Lê Văn S, Trần Minh H2 tại các phòng của nhà hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí N phạm tội "Chứa mại dâm" theo điểm a khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tòa án nhân dân Quận A đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Đoàn Văn T, Nguyễn Chí N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giúp sức nên áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cung cấp các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con và là lao động chính trong gia đình; Bị cáo T có kết quả học tập phổ thông tốt, làm trong Công ty được tặng giấy khen; Bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt vì được Chính ủy Hải đoàn 32 tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng chống ma túy năm 2024. Các tình tiết xin giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự của các bị cáo nêu ra được xem xét áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét mức án mà Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với các bị cáo nên không có cơ sở giảm án cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lập luận trên đây là căn cứ không chấp nhận bài bào chữa của Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Chí N.

Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vào buổi tối ngày 27/4/2023 tại nhà hàng, karaoke Hotel E, số 165, đường Nguyễn Thái B, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngoài việc một số bị cáo bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội "Chứa mại dâm" thì còn có 07 bị cáo khác mua bán ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát karaoke. Vụ án này đã được điều tra, truy tố và xét xử bằng bản án số 193/2023/HSST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Không có bị cáo nào trong vụ án ma túy bị khởi tố, truy tố và xét xử trong vụ án Chứa mại dâm này.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí N; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 05 (năm) năm tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến ngày 22/11/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Văn T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến ngày 14/9/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Thu H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giam từ ngày 19/5/2023 đến ngày 16/11/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Chí N số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 22, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND Quận A; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận A; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận A; (1)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư; (1)
- Công an Quận A; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Nguyễn